

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2018/DS-ST
Ngày: 30- 10-2018
V/v **tranh chấp hui**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Hùng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Minh Tân
2. Ông Nguyễn Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Văn Minh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông **Trần Cao Lâm** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2017/TLST-DS ngày 20/7/2017, về việc “**Tranh chấp hui**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2018/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Nguyễn Thị T, sinh năm 1962.
 2. Huỳnh Thị H, sinh năm 1965.
- Cùng địa chỉ: ấp Tân A, xã Tân Nhuận Đ, huyện C, Đồng Tháp.
3. Thái Ngọc H, sinh năm 1970.
 4. Nguyễn Kim Nh, sinh năm 1962
 5. Huỳnh Thị H, sinh năm 1967.
 6. Nguyễn Thị A, sinh năm 1964.

Bà Nguyễn Thị T, Huỳnh Thị H, Thái Ngọc H, Nguyễn Kim Nh, Huỳnh Thị H, Nguyễn Thị A cùng ủy quyền cho luật sư Lê Thị Vân L, sinh năm 1965; Địa chỉ ấp Phú L, xã Tân Phú Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

7. Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm 1979.

8. Trần Văn N, sinh năm 1928.

9. Hồ Minh K, sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ: ấp Hòa B, xã Hòa T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: **Nguyễn Thị Bé B**, sinh năm 1965.

Lê Văn T, sinh năm 1963.

Cùng địa chỉ: ấp Hòa B, xã Hòa T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa các nguyên đơn Bà Nguyễn Thị T, Huỳnh Thị H, Thái Ngọc H, Nguyễn Kim Nh, Huỳnh Thị H, Nguyễn Thị Á cùng ủy quyền cho luật sư Lê Thị Vân L trình bày như sau:

1. Nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày:

Bà T có tham gia năm dây hội do bà Nguyễn Thị Bé B làm chủ hội cụ thể:

- Dây thứ nhất: Ngày 10/7/2014 âm lịch bà T tham gia 02 phần hội, hội 2.000.000 đồng, gồm 19 phần hội, bà T đóng được 12 lần số tiền 48.000.000 đồng.

- Dây thứ hai: Ngày 26/9/2014 âm lịch bà T tham gia 01 phần hội, hội 1.000.000 đồng, gồm 19 phần hội, bà Tuyết đóng được 10 lần số tiền là 10.000.000 đồng.

- Dây thứ ba: Ngày 16/9/2014 âm lịch bà T tham gia 01 phần hội, hội 2.000.000 đồng, gồm 19 phần hội, bà Tuyết đóng được 10 lần số tiền 20.000.000 đồng.

- Dây thứ tư: Ngày 15/11/2014 âm lịch bà T tham gia 01 phần hội, hội 2.000.000 đồng, gồm 19 phần hội, bà T đóng được 07 lần số tiền là 14.000.000 đồng.

- Dây thứ năm: Ngày 03/10/2014 âm lịch bà T tham gia 02 phần hội, hội 2.000.000 đồng, gồm 19 phần hội, bà T đóng được 06 lần đến lần thứ 7 thì bà Tuyết hốt được số tiền là 25.000.000 đồng, bà Bé Ba giao hội còn thiếu 6.000.000 đồng.

Khi tham gia giao dịch hội thì bà T lấy tên trong giấy hội là “Chị Ba Hòa”. Việc tham gia giao dịch hội là do bà Nguyễn Thị T trực tiếp đóng và góp hội với bà Nguyễn Thị Bé B, bà không có tham gia giao dịch hội với ông T. Khi góp hội thì bà T không biết được số tiền bà Bé B góp sử dụng vào mục đích gì, chỉ biết khi bà Bé B góp thì bà đóng hội. Mặc dù ba góp hội tổng cộng 98.000.000 đồng, nhưng theo đơn khởi kiện bà T yêu cầu bà Bé B và ông T liên đới trả cho bà số tiền là 78.000.000 đồng. Theo biên bản hòa giải ngày 25/9/2018 và tại phiên tòa hôm nay bà Tuyết chỉ yêu cầu bà Bé B và ông T liên đới trả số tiền là 40.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

2. Nguyên đơn Thái Ngọc H trình bày:

Bà H có tham gia 05 dây hội do bà Nguyễn Thị Bé B làm chủ hội cụ thể:

- Dây thứ nhất: Ngày 19/01/2013 âm lịch, hội 5.000.000 đồng, hội gồm 17 phần bà H tham gia 01 phần và đóng được 10 lần số tiền là 50.000.000 đồng.

- Dây thứ hai: Ngày 08/4/2014 âm lịch, hụi 2.000.000 đồng, hụi gồm 19 phần, bà H tham gia 01 phần và đóng được 15 lần số tiền là 30.000.000 đồng.

- Dây thứ ba: Ngày 10/5/2013 âm lịch, hụi 2.000.000 đồng, hụi gồm 19 phần bà H tham gia 01 phần và đóng được 09 lần số tiền là 18.000.000 đồng.

- Dây thứ tư: Ngày 20/02/2015 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, hụi gồm 19 phần, bà H tham gia 01 phần và đóng được 04 lần số tiền là 4.000.000 đồng.

- Dây thứ năm: Ngày 03/02/2011 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, hụi gồm 19 phần bà H tham gia 01 phần và đóng được 18 lần số tiền là 18.000.000 đồng.

Khi tham gia giao dịch hụi thì bà H lấy tên trong giấy hụi là “Chí Hùng”. Việc tham gia giao dịch hụi là do bà Thái Ngọc H trực tiếp đóng và góp hụi với bà Nguyễn Thị Bé B có khi ông T nhận hụi cho bà B. Khi bà Bé B góp hụi thì bà H không biết được số tiền bà Bé B góp sử dụng vào mục đích gì, chỉ biết khi bà Bé B góp thì bà đóng hụi. Theo đơn khởi kiện bà Thái Ngọc H chỉ yêu cầu bà Bé B và ông T liên đới trả số tiền là 102.000.000 đồng. Theo biên bản hòa giải ngày 25/9/2018 và tại phiên tòa hôm nay bà Thái Ngọc H chỉ yêu cầu bà Bé B và ông T liên đới trả số tiền là 54.380.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

3. Nguyên đơn Nguyễn Kim Nh trình bày:

Bà Nh có tham gia 05 dây hụi do bà Nguyễn Thị Bé B làm chủ hụi cụ thể:

- Dây thứ nhất: Ngày 29/01/2014 âm lịch, bà Nh tham gia 01 phần hụi, hụi 2.000.000 đồng, gồm 19 phần hụi, bà Nh đóng được 18 lần số tiền 36.000.000 đồng.

- Dây thứ hai: Ngày 08/4/2014 âm lịch, bà Nh tham gia 01 phần hụi, hụi 2.000.000 đồng, gồm 19 phần hụi, bà Nhung đóng được 16 lần số tiền là 32.000.000 đồng.

- Dây thứ ba: Ngày 09/5/2014 âm lịch, bà Nh tham gia 01 phần hụi, hụi 2.000.000 đồng, gồm 19 phần hụi, bà Nh đóng được 15 lần số tiền là 30.000.000 đồng.

- Dây thứ tư: Ngày 16/9/2014 âm lịch, bà Nh tham gia 01 phần hụi, hụi 2.000.000 đồng, gồm 19 phần hụi, bà Nh đóng được 09 lần số tiền là 18.000.000 đồng.

- Dây thứ năm: Ngày 12/01/2014 âm lịch, bà Nh tham gia 01 phần hụi, hụi 500.000 đồng, gồm 19 phần hụi, bà Nhung đóng được 18 lần và đến lượt bà hốt chót thì bà Bé B tuyên bố bế hụi do đó bà Bé B còn thiếu là 9.000.000 đồng.

Khi tham gia giao dịch hụi bà Nh lấy tên trong giấy hụi là “Chị Tư” hoặc “Chị Tư (Sinh)”. Việc tham gia giao dịch hụi là do bà Nguyễn Kim Nh trực tiếp đóng và góp hụi với bà Nguyễn Thị Bé B, bà Nh có đóng hụi cho ông T. Khi bà Bé B góp hụi thì bà Nh không biết được số tiền bà Bé B góp sử dụng vào mục đích gì, chỉ biết khi bà Bé B góp thì bà đóng hụi. Theo đơn khởi kiện bà Nh yêu cầu bà Bé B và ông T liên đới trả số tiền hụi còn thiếu là 125.000.000 đồng. Theo biên bản hòa giải ngày

25/9/2018 và tại phiên tòa hôm nay bà Nh đồng ý giảm bớt tiền hụi, chỉ yêu cầu bà Bé B và ông T liên đới trả số tiền là 54.920.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

4. Nguyên đơn Huỳnh Thị H trình bày:

Bà H có tham gia các dây hụi do bà Nguyễn Thị Bé B làm chủ hụi cụ thể:

- Dây thứ nhất: Ngày 29/02/2013 âm lịch, bà H tham gia 01 phần hụi, hụi 5.000.000 đồng, gồm 17 phần hụi, bà H đóng được 10 lần số tiền 50.000.000 đồng.

- Dây thứ hai: Ngày 10/7/2014 âm lịch, bà H tham gia 01 phần hụi, hụi 2.000.000 đồng, gồm 19 phần hụi, bà H đóng được 12 lần số tiền là 24.000.000 đồng.

- Dây thứ ba: Ngày 03/10/2014 âm lịch bà H tham gia 01 phần hụi, hụi 2.000.000 đồng, gồm 19 phần hụi, bà H đóng được 08 lần số tiền 16.000.000 đồng.

- Dây thứ tư: Ngày 15/11/2014 âm lịch bà H tham gia 01 phần hụi, hụi 2.000.000 đồng, gồm 19 phần hụi, bà H đóng được 07 lần số tiền là 16.000.000 đồng.

Khi tham gia giao dịch hụi bà H lấy tên trên giấy hụi là “Chị Hoa”. Việc tham gia giao dịch hụi là do bà Huỳnh Thị H trực tiếp đóng và góp hụi với bà Nguyễn Thị Bé B. Bà H cũng có đóng hụi cho ông T. Khi bà Bé B góp hụi thì bà H không biết được số tiền bà Bé B góp sử dụng vào mục đích gì, chỉ biết khi bà Bé B góp thì bà đóng hụi. Theo đơn khởi kiện thì bà H yêu cầu bà Bé B và ông T liên đới trả số tiền hụi là 104.000.000 đồng. Theo biên bản hòa giải ngày 25/9/2018 và tại phiên tòa hôm nay bà Huỳnh Thị H chỉ yêu cầu bà Bé B và ông T liên đới trả số tiền là 57.920.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

5. Nguyên đơn Nguyễn Thị Á trình bày:

Bà Á có tham gia các dây hụi do bà Nguyễn Thị Bé B làm chủ hụi cụ thể:

- Dây thứ nhất: Ngày 28/9/2013 âm lịch, bà Á tham gia 01 phần hụi, hụi 3.000.000 đồng, gồm 19 phần hụi, bà Á đóng được 07 lần số tiền 21.000.000 đồng.

- Dây thứ hai: Ngày 20/6/2010 âm lịch, bà Á tham gia 01 phần hụi, hụi 1.000.000 đồng, gồm 21 phần hụi, bà Á là người hót chót số tiền là 20.000.000 đồng nhưng bà Bé B giao hụi còn thiếu 3.500.000 đồng.

Khi tham gia giao dịch hụi bà Á lấy tên trong giấy hụi là “Chị Việt”. Việc tham gia giao dịch hụi là do bà Nguyễn Thị Á trực tiếp đóng và góp hụi với bà Nguyễn Thị Bé B, bà Á có đóng hụi cho ông T nhưng bà không có chứng cứ chứng minh việc đã góp hụi cho ông T. Khi bà Bé B góp hụi thì bà Á không biết được số tiền bà Bé B góp sử dụng vào mục đích gì, chỉ biết khi bà Bé B góp thì bà đóng hụi. Theo đơn khởi kiện bà Á yêu cầu bà Bé B và ông T liên đới trả số tiền hụi còn thiếu là 24.500.000 đồng. Theo biên bản hòa giải ngày 25/9/2018 và tại phiên tòa hôm nay bà Á chỉ yêu cầu bà Bé B và ông T liên đới trả số tiền là 16.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi.

6. Nguyên đơn Huỳnh Thị H trình bày:

Bà H có tham gia các dây hụi do bà Nguyễn Thị Bé B làm chủ hụi cụ thể:

- Dây thứ nhất: Ngày 07/01/2015 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, hụi gồm 19 phần bà H tham gia 01 phần và đóng được 06 lần số tiền là 6.000.000 đồng.

- Dây thứ hai: Ngày 18/02/2015 âm lịch, hụi 2.000.000 đồng, hụi gồm 19 phần, bà H tham gia 01 phần và đóng được 05 lần số tiền là 10.000.000 đồng.

Khi tham gia giao dịch hụi thì bà H lấy tên trong giấy hụi là “Chị Hường”. Việc tham gia giao dịch hụi là do bà Huỳnh Thị H trực tiếp đóng và góp hụi với bà Nguyễn Thị Bé B, bà H có đóng hụi cho ông Lê Văn T. Khi bà Bé B góp hụi thì bà H không biết được số tiền bà Bé B góp sử dụng vào mục đích gì, chỉ biết khi bà Bé B góp thì bà đóng hụi. Theo đơn khởi kiện bà Huỳnh Thị H yêu cầu bà Bé B và ông T liên đới trả số tiền là 16.000.000 đồng. Theo biên bản hòa giải ngày 25/9/2018 và tại phiên tòa hôm nay bà H chỉ yêu cầu bà Bé B và ông T liên đới trả số tiền là 7.850.000 đồng không yêu cầu tính lãi.

7. Nguyên đơn Hồ Minh K trình bày:

Ông K có tham gia các dây hụi do bà Nguyễn Thị Bé B làm chủ hụi cụ thể:

- Dây thứ nhất: Ngày 09/5/2014 âm lịch, ông K tham gia 01 phần hụi, hụi 2.000.000 đồng, gồm 20 phần hụi, ông K đóng được 15 lần số tiền 18.480.000 đồng.

- Dây thứ hai: Ngày 11/5/2014 âm lịch, ông K tham gia 01 phần hụi, hụi 1.000.000 đồng, gồm 19 phần hụi, ông K đóng được 15 lần số tiền là 8.940.000 đồng.

- Dây thứ ba: Ngày 19/6/2014 âm lịch, ông K tham gia 01 phần hụi, hụi 1.000.000 đồng, gồm 19 phần hụi, ông K đóng được 13 lần số tiền 8.180.000 đồng.

- Dây thứ tư: Ngày 19/6/2014 âm lịch, ông K tham gia 01 phần hụi, hụi 2.000.000 đồng, gồm 19 phần hụi, ông K đóng được 10 lần số tiền là 12.000.000 đồng.

- Dây thứ năm: Ngày 26/9/2014 âm lịch, ông K tham gia 01 phần hụi, hụi 1.000.000 đồng, gồm 19 phần hụi, ông K đóng được 10 lần số tiền là 6.160.000 đồng.

- Dây thứ sáu: Ngày 15/11/2014 âm lịch, ông K tham gia 01 phần hụi, hụi 2.000.000 đồng, gồm 19 phần hụi, ông K đóng được 07 lần số tiền là 8.650.000 đồng.

Việc tham gia giao dịch hụi là do ông Hồ Minh K trực tiếp đóng và góp hụi với bà Nguyễn Thị Bé B, ông có góp hụi cho ông T. Khi góp hụi thì ông K không biết được số tiền bà Bé B góp sử dụng vào mục đích gì, chỉ biết khi bà Bé B góp thì ông đóng hụi. Theo đơn khởi kiện ông K yêu cầu bà Bé B và ông T liên đới trả cho bà số tiền là 62.410.000 đồng. Theo biên bản hòa giải ngày 25/9/2018 và tại phiên tòa hôm nay ông K đồng ý giảm bớt tiền hụi, chỉ yêu cầu bà Bé B và ông T liên đới trả số tiền là 58.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

8. Nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh X trình bày:

Bà X có tham gia các dây hụi do bà Nguyễn Thị Bé B làm chủ hụi cụ thể:

- Dây thứ nhất: Ngày 03/10/2014 âm lịch, bà X tham gia 02 phần hụi, hụi 2.000.000 đồng, gồm 19 phần hụi, bà X đóng được 09 lần số tiền 22.960.000 đồng.

- Dây thứ hai: Ngày 13/03/2015 âm lịch, bà X tham gia 01 phần hụi, hụi 1.000.000 đồng, gồm 19 phần hụi, bà X đóng được 03 lần số tiền là 3.000.000 đồng.

- Dây thứ ba: Ngày 15/11/2014 âm lịch bà X tham gia 01 phần hụi, hụi 2.000.000 đồng, gồm 19 phần hụi, bà X đóng được 07 lần số tiền 8.650.000 đồng.

- Dây thứ tư: Ngày 16/9/2014 âm lịch bà X tham gia 01 phần hụi, hụi 2.000.000 đồng, gồm 20 phần hụi, bà X đóng được 10 lần số tiền là 12.050.000 đồng.

- Dây thứ năm: Ngày 18/02/2015 âm lịch, bà X tham gia 01 phần hụi, hụi 2.000.000 đồng, gồm 19 phần hụi, bà X đóng được 04 lần số tiền 5.250.000 đồng.

- Dây thứ sáu: Ngày 24/01/2015 âm lịch, bà X tham gia 01 phần hụi, hụi 2.000.000 đồng, gồm 19 phần hụi, bà X đóng được 07 lần số tiền là 9.020.000 đồng.

- Dây thứ bảy: Ngày 28/01/2015 âm lịch, bà X tham gia 01 phần hụi, hụi 2.000.000 đồng, gồm 19 phần hụi, bà X đóng được 05 lần số tiền 5.450.000 đồng.

- Dây thứ tám: Ngày 30/10/2014 âm lịch bà X tham gia 01 phần hụi, hụi 1.000.000 đồng, gồm 19 phần hụi, bà X đóng được 08 lần số tiền là 5.550.000 đồng.

Việc tham gia giao dịch hụi là do bà Nguyễn Thị Thanh X trực tiếp đóng và góp hụi với bà Nguyễn Thị Bé B. Bà X cũng có đóng hụi cho ông T. Khi bà Bé B góp hụi thì bà X không biết được số tiền bà Bé B góp sử dụng vào mục đích gì, chỉ biết khi bà Bé B góp thì bà đóng hụi. Theo đơn khởi kiện thì bà X yêu cầu bà Bé B và ông T liên đới trả số tiền hụi là 71.880.000 đồng. Theo biên bản hòa giải ngày 25/9/2018 và tại phiên tòa hôm nay bà X đồng ý giảm bớt tiền hụi, chỉ yêu cầu bà Bé B và ông T liên đới trả số tiền là 61.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi.

9. Nguyên đơn Trần Văn N trình bày:

Ông N có tham gia các dây hụi do bà Nguyễn Thị Bé B làm chủ hụi cụ thể:

- Dây thứ nhất: Ngày 03/10/2014 âm lịch, ông N tham gia 01 phần hụi, hụi 2.000.000 đồng, gồm 19 phần hụi, ông N đóng được 08 lần số tiền 12.900.000 đồng.

- Dây thứ hai: Ngày 18/02/2015 âm lịch, ông N tham gia 01 phần hụi, hụi 2.000.000 đồng, gồm 19 phần hụi, ông N đóng được 04 lần số tiền 6.500.000 đồng.

- Dây thứ ba: Ngày 12/01/2014 âm lịch, ông N tham gia 01 phần hụi, hụi 500.000 đồng, gồm 21 phần hụi, ông N đóng được 18 lần số tiền 5.600.000 đồng.

- Dây thứ tư: Ngày 30/10/2014 âm lịch, ông N tham gia 02 phần hụi, hụi 1.000.000 đồng, gồm 19 phần hụi, ông N đóng được 08 lần số tiền 6.000.000 đồng.

- Dây thứ năm: Ngày 20/02/2015 âm lịch, ông N tham gia 02 phần hụi, hụi 1.000.000 đồng, gồm 19 phần hụi, ông N đóng được 04 lần số tiền 2.800.000 đồng.

- Dây thứ sáu: Ngày 26/9/2014 âm lịch, ông N tham gia 04 phần hụi, hụi 1.000.000 đồng, gồm 19 phần hụi, ông N đóng được 10 lần số tiền 8.200.000 đồng.

- Dây thứ bảy: Ngày 16/9/2014 âm lịch, ông N tham gia 01 phần hụi, hụi 2.000.000 đồng, gồm 20 phần hụi, ông N đóng được 10 lần số tiền 16.000.000 đồng.

- Dây thứ tám: Ngày 15/11/2014 âm lịch, ông N tham gia 01 phần hụi, hụi 2.000.000 đồng, gồm 19 phần hụi, ông N đóng được 07 lần số tiền 11.500.000 đồng.

- Dây thứ chín: Ngày 29/01/2014 âm lịch, ông N tham gia 02 phần hụi, hụi 2.000.000 đồng, gồm 20 phần hụi, ông N đóng được 18 lần số tiền 57.600.000 đồng.
- Dây thứ mười: Ngày 16/9/2014 âm lịch, ông N tham gia 01 phần hụi, hụi 2.000.000 đồng, gồm 20 phần hụi, ông N đóng được 10 lần số tiền 16.500.000 đồng.
- Dây thứ mười một: Ngày 17/8/2014 âm lịch, ông N tham gia 01 phần hụi, hụi 2.000.000 đồng, gồm 19 phần hụi, ông N đóng được 11 lần số tiền 18.000.000 đồng.
- Dây thứ mười hai: Ngày 26/9/2014 âm lịch, ông N tham gia 01 phần hụi, hụi 1.000.000 đồng, gồm 19 phần hụi, ông N đóng được 10 lần số tiền 7.100.000 đồng.
- Dây thứ mười ba: Ngày 21/4/2014 âm lịch, ông N tham gia 01 phần hụi, hụi 1.000.000 đồng, gồm 19 phần hụi, ông N đóng được 13 lần số tiền 11.500.000 đồng.
- Dây thứ mười bốn: Ngày 13/3/2015 âm lịch, ông N tham gia 01 phần hụi, hụi 1.000.000 đồng, gồm 03 phần hụi, ông N đóng được 03 lần số tiền 2.150.000 đồng.
- Dây thứ mười lăm: Ngày 25/02/2014 âm lịch, ông N tham gia 01 phần hụi, hụi 3.000.000 đồng, gồm 18 phần hụi, ông N đóng được 06 lần số tiền 12.800.000 đồng.
- Dây thứ mười sáu: Ngày 07/01/2015 âm lịch, ông N tham gia 01 phần hụi, hụi 1.000.000 đồng, gồm 19 phần hụi, ông N đóng được 05 lần số tiền 3.560.000 đồng.
- Dây thứ mười bảy: Ngày 06/11/2014 âm lịch, ông N tham gia 01 phần hụi, hụi 500.000 đồng, gồm 19 phần hụi, ông N đóng được 07 lần số tiền 2.520.000 đồng.
- Dây thứ mười tám: Ngày 11/5/2014 âm lịch, ông N tham gia 01 phần hụi, hụi 1.000.000 đồng, gồm 19 phần hụi, ông N đóng được 14 lần số tiền 10.900.000 đồng.
- Dây thứ mười chín: Ngày 24/11/2014 âm lịch, ông N tham gia 01 phần hụi, hụi 2.000.000 đồng, gồm 19 phần hụi, ông N đóng được 07 lần số tiền 12.100.000 đồng.
- Dây thứ hai mươi: Ngày 10/7/2014 âm lịch, ông N tham gia 01 phần hụi, hụi 2.000.000 đồng, gồm 19 phần hụi, ông N đóng được 12 lần số tiền 19.400.000 đồng.

Việc tham gia giao dịch hụi là do ông Trần Văn N trực tiếp đóng và góp hụi với bà Nguyễn Thị Bé B, ông N có đóng hụi cho ông T. Khi bà Bé B góp hụi thì ông N không biết được số tiền bà Bé B góp sử dụng vào mục đích gì, chỉ biết khi bà Bé B góp thì ông đóng hụi. Theo đơn khởi kiện ông N yêu cầu bà Bé B và ông T liên đới trả số tiền hụi còn thiếu là 234.630.000 đồng. Theo biên bản hòa giải ngày 25/9/2018 và tại phiên tòa hôm nay ông N yêu cầu bà Bé B và ông T liên đới trả số tiền là 161.020.000 đồng không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, khi hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Bé B trình bày:

Trong 09 nguyên đơn trình bày về các dây hụi đã tham gia chơi, ngày khai hụi, số phần hụi tham gia trong từng dây hụi, số tiền của mỗi phần hụi và số lần đóng tiền hụi là đúng. Tuy nhiên, số tiền các nguyên đơn trình bày đã đóng hụi (hụi sống) và số tiền yêu cầu trả là không đúng. Tất cả các dây hụi bà làm chủ đều phải ngừng giữa chừng, do trong các dây hụi có hụi viên hốt hụi, nhưng không đóng lại hụi chết, nên hụi bị “bể”. Do đó, các nguyên đơn đã đóng hụi sống, nhưng nay yêu cầu trả lại tiền hụi như tiền hụi chết (bao gồm cả tiền lãi), bà không đồng ý; bà chỉ đồng ý trả lại cho các nguyên đơn số

tiền hội sống, các nguyên đơn đã đóng. Cụ thể:

1. Bà Nguyễn Thị T tham gia 05 dây hội và đã đóng số lần hội như bà T trình bày, với tổng số tiền hội (sống) đã đóng là 40.000.000đ. Bà đồng ý trả cho bà T số tiền này.

2. Bà Thái Ngọc H tham gia 05 dây hội và đã đóng số lần hội như bà H trình bày, với tổng số tiền hội (sống) đã đóng là 54.380.000đ. Bà đồng ý trả cho bà H số tiền này.

3. Bà Nguyễn Kim Nh tham gia 05 dây hội và đã đóng số lần hội như bà Nh trình bày, với tổng số tiền hội (sống) đã đóng là 57.920.000đ nhưng hiện nay bà đang còn nợ nhiều người, bà xin bà Nh giảm bớt cho bà 3.000.000đồng. Bà đồng ý trả cho bà Nh số tiền 54.920.000đ.

4. Bà Huỳnh Thị H tham gia 04 dây hội và đã đóng số lần hội như bà H trình bày, với tổng số tiền hội (sống) đã đóng là 57.920.000đ. Bà đồng ý trả cho bà H số tiền này.

5. Bà Nguyễn Thị Â tham gia 02 dây hội và đã đóng số lần hội như bà Â trình bày, với tổng số tiền hội (sống) đã đóng là 16.900.000đ nhưng hiện nay bà đang còn nợ nhiều người, bà xin bà Â giảm bớt cho bà 900.000 đồng. Bà đồng ý trả cho bà Nh số tiền 16.000.000đ.

6. Bà Huỳnh Thị H tham gia 02 dây hội và đã đóng số lần hội như bà H trình bày, với tổng số tiền hội (sống) đã đóng là 7.850.000đ. Bà đồng ý trả cho bà H số tiền này.

7. Ông Hồ Minh K tham gia 06 dây hội và đã đóng số lần hội như ông K trình bày, với tổng số tiền hội (sống) đã đóng là 62.410.000đ nhưng hiện nay bà đang còn nợ nhiều người, bà xin ông K giảm bớt cho bà 4.410.000 đồng. Bà đồng ý trả cho ông K số tiền 58.000.000đ.

8. Bà Nguyễn Thị Thanh X tham gia 08 dây hội và đã đóng số lần hội như bà X trình bày, với tổng số tiền hội (sống) đã đóng là 71.880.000đ nhưng hiện nay bà đang còn nợ nhiều người, bà xin bà X giảm bớt cho bà 10.880.000 đồng. Bà đồng ý trả cho bà Xuân số tiền 61.000.000đ.

9. Ông Trần Văn N tham gia 20 dây hội và đã đóng số lần hội như ông N trình bày, với tổng số tiền hội (sống) đã đóng là 161.020.000đ. Bà đồng ý trả cho ông N số tiền này.

Bà Nguyễn Thị Bé B không yêu cầu ông Lê Văn T cùng liên đới trả tiền hội cho các nguyên đơn. Bà Bé B cho rằng chỉ có một mình bà tham gia làm chủ hội, ông Lê Văn T không biết và không có tham gia giao dịch hội cũng như góp hội của các nguyên đơn.

Quá trình giải quyết bị đơn ông Lê Văn T có văn bản trình bày: Việc bà Bé B tổ chức chơi hội, ông không biết và ông không đồng ý cùng liên đới với bà Bé B trả nợ hội cho các nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ đã thu thập thể hiện trong hồ sơ, qua xem xét đánh giá và tranh

tụng tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Bé B và ông Lê Văn T liên đới trả số tiền hui như các nguyên đơn yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn Lê Văn T.

Ngoài ra, Tòa án thụ lý 09 đơn khởi kiện của 09 nguyên đơn bằng 09 vụ án khác nhau. Tuy nhiên quá trình thu thập, tài liệu chứng cứ, Tòa án nhận thấy 09 nguyên đơn đều khởi kiện yêu cầu đối với cùng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và cùng một quan hệ pháp luật tranh chấp. Do đó, căn cứ vào Điều 42 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giải quyết trong cùng một vụ án.

[2] Về nội dung:

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, các nguyên đơn kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé B và ông Lê Văn T liên đới trả lại tiền hui, cụ thể như sau:

2.1. Bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé B và ông Lê Văn T cùng liên đới trả cho bà số tiền là 40.000.000 đồng.

2.2. Bà Thái Ngọc H yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé B và ông Lê Văn T cùng liên đới trả cho ông số tiền là 54.380.000 đồng.

2.3. Bà Nguyễn Kim Nh yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé B và ông Lê Văn T cùng liên đới trả cho bà số tiền là 54.920.000 đồng.

2.4. Bà Huỳnh Thị H yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé B và ông Lê Văn T cùng liên đới trả cho bà số tiền là 57.920.000 đồng.

2.5. Ông Hồ Minh K yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé B và ông Lê Văn T cùng liên đới trả cho bà số tiền là 58.000.000 đồng.

2.6. Bà Huỳnh Thị H yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé B và ông Lê Văn T cùng liên đới trả cho ông số tiền là 7.850.000 đồng.

2.7. Bà Nguyễn Thị Â yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé B và ông Lê Văn T cùng liên đới trả cho bà số tiền là 16.000.000 đồng.

2.8. Bà Nguyễn Thị Thanh X yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé B và ông Lê Văn T cùng liên đới trả cho bà số tiền là 61.000.000 đồng.

2.9. Ông Trần Văn N yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé B và ông Lê Văn T cùng liên đới trả cho bà số tiền là 161.020.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Bé B đồng ý trả tiền hội cho các nguyên đơn như yêu cầu nêu trên. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về số tiền của các nguyên đơn.

[3] Về nghĩa vụ liên đới theo yêu cầu của các nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: bị đơn bà Bé B thừa nhận nghĩa vụ đối với các nguyên đơn và tự chịu trách nhiệm cá nhân. Ông Lê Văn T chồng bà Bé B cho rằng không biết việc bà Bé B tổ chức làm chủ hội, không đồng ý liên đới cùng bà Bé B trả tiền hội cho các nguyên đơn. Tuy nhiên, bà Bé B tổ chức làm chủ hội rất nhiều đây hội, trong khoảng thời gian từ năm 2009 đến năm 2016, có rất nhiều người tham gia chơi, mở hội (khui hội) tại nhà; trong vụ án này có 09 hội viên là nguyên đơn kiện yêu cầu vợ chồng bà Bé B trả lại tiền hội, ngoài ra còn người khác cùng khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Bé B trả lại tiền hội đã đóng, Tòa án đang giải quyết. Đồng thời, có nhiều người làm chứng là những người thân thích có quan hệ họ hàng của ông T và bà Bé B xác nhận: ông T biết việc vợ là bà Bé B tổ chức chơi hội, ông cũng là người nhận tiền hội của hội viên đóng; các nguyên đơn đều trình bày có đóng hội trực tiếp cho ông T nhận.

Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: ông T biết việc bà Bé B làm chủ hội, có nhận tiền đóng hội của hội viên; bà Bé B và ông T không chứng minh được cả hai có thỏa thuận là kinh doanh riêng, ở đây là tổ chức hội riêng và tự chịu trách nhiệm riêng cá nhân; bà Bé B không chứng minh được số tiền hội của hội viên đóng sử dụng vào việc gì của cá nhân, bà cho rằng dùng đóng thay tiền hội cho các hội viên khác, nhưng bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó, bà Bé B trình bày cá nhân chịu trách nhiệm đối với các nguyên đơn, ông T cho rằng không biết việc vợ tổ chức chơi hội, không đồng ý nghĩa vụ liên đới là nhằm trốn tránh nghĩa vụ liên đới trả lại tiền hội cho các nguyên đơn.

Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên; buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Bé B và ông Lê Văn T, cùng liên đới trả tiền hội cho các nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật. Cụ thể:

Buộc Nguyễn Thị Bé B và ông Lê Văn T liên đới trả cho:

- Bà Nguyễn Thị T số tiền 40.000.000 đồng;
- Bà Thái Ngọc H số tiền 154.380.000 đồng;
- Bà Nguyễn Kim Nh số tiền 54.920.000 đồng;
- Bà Huỳnh Thị H số tiền 57.920.000 đồng;
- Ông Hồ Minh K số tiền 58.000.000 đồng;
- Bà Huỳnh Thị H số tiền 7.850.000 đồng;
- Bà Nguyễn Thị Á số tiền 16.000.000 đồng;
- Bà Nguyễn Thị Thanh X số tiền 61.000.000 đồng;
- Ông Trần Văn N số tiền 161.020.000 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên các nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm

ứng án phí đã nộp. Bà Nguyễn Thị Bé B và ông Lê Văn T liên đới chịu các khoản án phí như sau:

- Đối với số tiền hui của bà Nguyễn Thị T là 40.000.000 đồng x 5% = 2.000.000 đồng.

- Đối với số tiền hui của bà Thái Ngọc H là 54.380.000 đồng x 5% = 2.719.000 đồng.

- Đối với số tiền hui của bà Nguyễn Kim Nh là 54.920.000 đồng x 5% = 2.746.000 đồng.

- Đối với số tiền hui của bà Huỳnh Thị H là 57.920.000 đồng x 5% = 2.896.000 đồng.

- Đối với số tiền hui của ông Hồ Minh K là 58.000.000 đồng x 5% = 2.900.000 đồng.

- Đối với số tiền hui của bà Huỳnh Thị H là 7.850.000 đồng x 5% = 392.500 đồng.

- Đối với số tiền hui của bà Nguyễn Thị Â là 16.000.000 đồng x 5% = 800.000 đồng.

- Đối với số tiền hui của bà Nguyễn Thị Thanh X là 61.000.000 đồng x 5% = 3.050.000 đồng.

- Đối với số tiền hui của ông Trần Văn N là 161.020.000 đồng x 5% = 8.051.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 468, Điều 471 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn: Nguyễn Thị T, Thái Ngọc H, Nguyễn Kim Nh, Huỳnh Thị H, Hồ Minh K, Huỳnh Thị H, Nguyễn Thị Â, Nguyễn Thị Thanh X và Trần Văn N.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Bé B và ông Lê Văn T liên đới trả tiền hui cho:

2.1. Bà Nguyễn Thị T số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng);

2.2. Bà Thái Ngọc H số tiền 54.380.000 đồng (Một trăm năm mươi bốn triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng);

2.3. Bà Nguyễn Kim Nh số tiền 54.920.000 đồng (Năm mươi bốn triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng);

2.4. Bà Huỳnh Thị H số tiền 57.920.000 đồng (Năm mươi bảy triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng);

2.5. Ông Hồ Minh K số tiền 58.000.000 đồng (Năm mươi tám triệu đồng);

2.6. Bà Huỳnh Thị H số tiền 7.850.000 đồng (Bảy triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng);

2.7. Bà Nguyễn Thị Á số tiền 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu);

2.8. Bà Nguyễn Thị Thanh X số tiền 61.000.000 đồng (Sáu mươi một triệu đồng);

2.9. Ông Trần Văn N số tiền 161.020.000 đồng (Một trăm sáu mươi một triệu không trăm hai mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

3. Án phí:

3.1. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí là 1.950.000 đ theo biên lai thu số 10964 ngày 18 tháng 7 năm 2017 tại chi cục thi hành án dân sự huyện C.

3.2. Hoàn trả cho ông Trần Văn N số tiền tạm ứng án phí là 5.865.750 đ theo biên lai thu số 10696 ngày 18 tháng 7 năm 2017 tại chi cục thi hành án dân sự huyện C.

3.3. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh X số tiền tạm ứng án phí là 1.925.000 đ theo biên lai thu số 10961 ngày 18 tháng 7 năm 2017 tại chi cục thi hành án dân sự huyện C.

3.4. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Á số tiền tạm ứng án phí là 612.000 đ theo biên lai thu số 10967 ngày 18 tháng 7 năm 2017 tại chi cục thi hành án dân sự huyện C.

3.5. Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị H số tiền tạm ứng án phí là 400.000 đ theo biên lai thu số 10966 ngày 18 tháng 7 năm 2017 tại chi cục thi hành án dân sự huyện C.

3.6. Hoàn trả cho ông Hồ Minh K số tiền tạm ứng án phí là 1.460.000 đ theo biên lai thu số 10956 ngày 18 tháng 7 năm 2017 tại chi cục thi hành án dân sự huyện C.

3.7. Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị H số tiền tạm ứng án phí là 2.600.000 đ theo biên lai thu số 10965 ngày 18 tháng 7 năm 2017 tại chi cục thi hành án dân sự huyện C.

3.8. Hoàn trả cho bà Thái Ngọc H số tiền tạm ứng án phí là **2.550.000 đ** theo biên lai thu số **10963** ngày **18** tháng **7** năm 2017 tại chi cục thi hành án dân sự huyện C.

3.9. Hoàn trả cho bà Nguyễn Kim Nh số tiền tạm ứng án phí là **3.125.000 đ** theo biên lai thu số **10962** ngày **18** tháng **7** năm 2017 tại chi cục thi hành án dân sự huyện C.

3.10. Bà Nguyễn Thị Bé B và ông Lê Văn T liên đới **25.554.500** đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Huyện;
- Các đương sự;
- THADS Huyện;
- Lưu: HSVA;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hùng

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:05/2018/QĐ-SCBSBA

Châu Thành, ngày 04 tháng 12 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, Đ

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do có sai sót, nhầm lẫn trong việc đánh máy tại bản án số 54/2018/DSST- DS ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đ đã xét xử sơ thẩm vụ án dân sự về “*Tranh chấp hui*”, giữa:

- Nguyên đơn:

1. Nguyễn Thị T, sinh năm 1962.

2. Huỳnh Thị H, sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ: ấp Tân A, xã Tân Nhuận Đ, huyện C, tỉnh Đ.

3. Thái Ngọc H, sinh năm 1970.

4. Hồ Minh K, sinh năm 1965.

5. Huỳnh Thị H, sinh năm 1967.

6. Nguyễn Thị Á, sinh năm 1964.

7. Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm 1979.

8. Trần Văn N, sinh năm 1928.

9. Nguyễn Kim Nh, sinh năm 1962.

Cùng địa chỉ: ấp Hòa B, xã Hòa T, huyện C, tỉnh Đ.

- Bị đơn:

1. Nguyễn Thị Bé B, sinh năm 1965.

2. Lê Văn T, sinh năm 1963.

Cùng địa chỉ: ấp Hòa B, xã Hòa T, huyện C, tỉnh Đồng T.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án số 54/2018/DSST- DS ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đ như sau:

Tại dòng thứ 6 từ trên xuống, trang 12 bản án đã ghi: “2.2. Bà Thái Ngọc H số tiền **154.380.000** đồng (Một trăm năm mươi bốn triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng”.

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “2.2. Bà Thái Ngọc H số tiền **54.380.000** đồng (Năm mươi bốn triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng”.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thanh Hùng